



tesa® Spiralsleeve 51026 PV5



Thông tin Sản phẩm

Băng keo vải PET để bảo vệ ống in chống mài mòn và tính linh hoạt nâng cao

Product Description

tesa® Spiralsleeve 51026 PV5 là loại băng keo vải PET để quấn dây điện có chất kết dính acrylic không dung môi. Nó cung cấp bảo vệ chống mài mòn vượt trội và chịu được nhiệt độ cao và các điều kiện môi trường đòi hỏi khắt khe.

Chất kết dính acrylic của nó tương thích với các vật liệu bọc cáp không có halogen mới (PE / PP) và cung cấp độ bền cao ở nhiệt độ cao. Nó kết hợp ứng dụng xoắn ốc nổi tiếng của một cuộn băng keo với các ưu điểm của tesa Sleeve®. Cấu trúc sản phẩm của Spiralsleeve đảm bảo tiếp xúc với chất kết dính tối thiểu với dây điện để mang lại sự linh hoạt tối đa cho dây điện và hệ thống keo dính để đảm bảo liên kết an toàn mà không cần bọc thêm điểm.

tesa® Spiralsleeve 51026 PV5 được thiết kế đặc biệt cho ứng dụng thủ công hiệu quả.

Những đặc điểm chính:

- Khả năng chống mài mòn cao
- Chịu nhiệt độ cao
- Tính linh hoạt cao
- Hệ thống bám keo dính để liên kết an toàn mà không cần bọc thêm
- Khả năng tương thích cáp tuyệt vời
- Chống lão hóa
- Chịu được ảnh hưởng của môi trường
- Chống cháy
- Không có sương mù
- Không có halogen
- Chống rách
- Linh hoạt và trơn tru

Ứng dụng

tesa Sleeve® 51026 PV5 được thiết kế cho khoang động cơ, cung cấp bảo vệ chống mài mòn tuyệt vời và linh hoạt. Nó kết hợp các ứng dụng xoắn ốc nổi tiếng của băng keo với sự linh hoạt của ống in.

Technical Information (average values)

The values in this section should be considered representative or typical only and should not be used for specification purposes.

Cấu tạo sản phẩm

- | | | | |
|------------|---------|----------|--------|
| • Lớp nền | Vải PET | • Độ dày | 530 µm |
| • Loại keo | acrylic | | |

để biết thêm thông tin mới nhất của sản phẩm xin vui lòng cập nhật vào <http://l.tesa.com/?ip=51026>



tesa® Spiralsleeve 51026 PV5

Thông tin Sản phẩm

Thuộc tính / Giá trị hiệu suất

- | | | | |
|---------------------------------|---------|--|---------|
| • Giảm ồn (LV312) | Class B | • Khả năng chống mài mòn (5mm mandrel, LV312) | Class D |
| • Khả năng chịu nhiệt tối thiểu | -40 °C | • Khả năng chống mài mòn (10mm mandrel, LV312) | Class E |
| • Khả năng chịu nhiệt tối đa | 150 °C | | |

Độ kết dính trên

- | | |
|--------|----------|
| • thép | 5.5 N/cm |
|--------|----------|

Thông tin thêm

Chiều rộng tiêu chuẩn: 45,
59 mm

Chiều dài tiêu chuẩn: 10, 15 m

- Hầu hết có thể kết hợp chiều rộng và chiều dài
- Đường kính lõi tiêu chuẩn: 38 mm

Disclaimer

sản phẩm của tesa® được cải tiến chất lượng theo yêu cầu và được quản lý chặt chẽ từ giai đoạn sản xuất. Tất cả các thông tin và tư vấn sản phẩm được cung cấp dựa trên kinh nghiệm thực tiễn và kiến thức của chúng tôi. Tuy nhiên, tesa SE không thể đảm bảo hay quy định một cách rõ ràng hoặc ngụ ý, có bao gồm nhưng không giới hạn cho mục đích sử dụng cụ thể. Do đó, người tiêu dùng nên nhận định sản phẩm tesa đang sử dụng có phù hợp cho mục đích sử dụng mà khách hàng đang nhắm tới hay không, có phù hợp với phương pháp mà khách hàng sử dụng hay không. Nếu có bất kỳ sự nghi ngờ nào, đội ngũ kỹ thuật của chúng tôi rất vui lòng để tư vấn cho quý khách



để biết thêm thông tin mới nhất của sản phẩm xin vui lòng cập nhật vào <http://l.tesa.com/?ip=51026>